BÀI 2 VĂN 8

**B PHẦN VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**( bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt đường luật)**

I. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:*

- Đặc điểm thể thơ thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật.

- Cảm xúc về một bài thơ thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật.

*2. Về năng lực:*

- Biết viết đoạn văn phân tích một bài thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật .

*3. Về phẩm chất:*

- Tự hào, yêu quý thể thơ thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

|  |  |
| --- | --- |
| GIỚI THIỆU KIỂU BÀI | |
| Mục tiêu:  - Biết được kiểu bài viết bài văn phân tích về một bài thơ thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật.  Nội dung:  - HS đọc một số bài thơ, thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật mình sưu tầm được  - HS trả lời câu hỏi của GV  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV hỏi:  ? Đọc các bài thơ, thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật mà em sưu tầm được?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Nghe / đọc thơ thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật..  - Suy nghĩ cá nhân  - HS trả lời câu hỏi.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “ *Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ* thất ngôn bát cú hoặc một bài thơ tứ tuyệt đường luật.*”* | HS nêu cảm nhận của mình về các bài thơ thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật. |

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HOC. | | | | |
| Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc một bài thơ tứ tuyệt đường luật. .  - Trình bày đúng hình thức bài văn.  Nội dung:  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | | |
| Tổ chức thực hiện | | | Sản phẩm | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  \* Hs chọn một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật và thực hiện các yêu cầu sau:  ? Cho biết tên bài thơ và tác giả của bài thơ em vừa đọc ?  ? Hãy nêu nội dung chính của bài thơ và khái quát chủ đề của bài thơ?  ? Hãy cho biết nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ và vị trí ?  ? Theo em, một khi viết một bài văn phân tích về một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật cần đảm bảo những yêu cầu gì?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  -GV chiếu câu hỏi.  - HS trả lời  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu HS trả lời  - HS trả lời câu hỏi.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | | | **I. Yêu cầu đối với việc viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.**  -Giới thiệu được khái quát về tác giả và bài thơ.  -Phân tích được nội dung cơ bản, khái quát được chủ đề của bài thơ.  -Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ.  -Khẳng định được vị trí , ý nghĩa của bài thơ. | |
| II. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO | | | | |
| Mục tiêu:  - Bài viết tham khảo :Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương.  - Biết yêu cầu phân tích bài thơ .  Nội dung:  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra  c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | | |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu khái quát giá trị của tác phẩm.  2. Giới thiệu đề tài, thể thơ ?  3. Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ ?  4. Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ ?  5. Khẳng định vị trí, ý nghĩa của bài thơ ?  GV yêu cầu: HS đọc bài tham khảo và tìm câu trả lời.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  B3: Báo cáo thảo luận  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  B4: Kết luận, nhận định  GV:  - Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | Bài mẫu: Thương vợ của Trần Tế Xương.  \*Tác giả: Tú Xương là nhà thơ trào phúng bậc thầy trong nền văn học Việt nam. Thơ ông bắt nguồn từ tâm huyết với dân, với nước, với đời. Tú Xương cũng đã việt hóa sâu sắc thể thơ Nôm Đường luật, hình ảnh ngôn ngữ bình dị, đậm sắc thái dân gian và nóng hổi hơi thở đời sống.  \* Tác phẩm: “Thương vợ” là bài thơ cảm độngnhất trong chùm thơ văn câu đối về đề tài bà Tú. Với tình -cảm thương yêu quý trọng, tác giả đã ghi lại một cách chân thực xúc động hình ảnh người vợ tần tảo, giàu đức hi sinh.  Giá trị của tác phẩm:  \* Giá trị nội dung:  -Xây dựng thành công hình ảnh của bà Tú - một người vợ tảo tần, giàu đức hi sinh, đã gánh vác gia đình với những gánh nặng cơm áo gạo tiền đè lên đôi vai gầy. Đồng thời, thông qua đó, người đọc cũng có thể cảm nhận được tình thương yêu, quý trọng người vợ của Trần Tế Xương  - Ẩn đằng sau hình ảnh của người vợ tảo tần sớm khuya ấy là hình ảnh của ông Tú với đầy những tâm sự. Bà Tú hiện lên càng đảm đang, tháo vát vất vả bao nhiêu thì ông Tú lại càng nhỏ bé, nhạt nhòa, vô dụng bấy nhiêu. Đây chính là sự bất lực của người trí sĩ đương thời trước dòng đời nổi trôi và xã hội quan liêu thối nát.  \* Giá trị nghệ thuật  - Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt bình dị, tự nhiên và giàu sức biểu cảm; cảm xúc chân thành tiêu biểu cho thơ trữ tình của Trần Tế Xương  - Vận dụng sáng tạo hình ảnh con cò và cách nói của văn học dân gian trong việc khắc họa hình ảnh của bà Tú  - Hình ảnh của bà Tú được nhắc đến với giọng điệu ngợi ca, đầy yêu thương còn hình ảnh của tác giả ẩn đằng sau đó lại được nhắc đến với giọng điệu trào phúng, bất lực  **2.** Đề tài: người vợ  Thể thơ: Bài thơ được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật.  **3.** Phân tích ND cơ bản của bài thơ.  a. Hai câu thực:  “Quanh năm buôn bán ở mom sông  Nuôi đủ năm con với một chồng”  -Công việc của bà Tú là buôn bán. Thời gian làm việc là quanh năm, tức là từ ngày này qua ngày khác, từ tháng này qua tháng khác, không có một ngày được nghỉ ngơi. Địa điểm làm việc ở mom sông. Phần đất ở bờ sông nhô ra phía lòng sông, nơi người làng chài thường hay tụ tập mua bán. Ở đây cũng gợi tả một cuộc đời nhiều mưa nắng, một cuộc đời lắm cơ cực, phải vật lộn để kiếm sống.  -“Nuôi đủ năm con với một chồng” ý nói gánh nặng gia đình đang đè nặng lên đôi vai người mẹ, người vợ. Tú Xưng dùng cách đếm con, chồng nhằm ẩn chứa nỗi niềm chua chát về một gia đình gặp nhiều khó khăn: đông con, còn người chồng đang phải “ăn lương vợ”  -Hai câu thực gợi tả cụ thể hơn cuộc sống tảo tần gắn với việc buôn bán ngược xuôi của bà Tú.  b. Hai câu đề:  “Lặn lội thân cò khi quãng vắng  Eo sèo mặt nước buổi đò đông”  -Thấm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, Tế Xương đã mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú. Thân cò lầm lũi gợi liên tưởng về thân phận vất vả, cực khổ, của bà Tú cũng như những người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ. Ba từ "khi quãng vắng" đã nói lên không gian heo hút, vắng lặng chứa đầy những lo âu, nguy hiểm. Câu thơ dùng phép đảo ngữ đưa từ "lặn lội" lên đầu câu và dùng từ "thân cò" thay cho từ "con cò" càng làm tăng thêm nỗi vất vả gian truân của bà Tú. Không những thế, từ "thân cò" còn gợi nỗi ngậm ngùi về thân phận nữa. Lời thơ vì thế mà cũng sâu sắc hơn, thấm thìa hơn.  -Câu thứ tư làm rõ sự vật lộn với cuộc sống đầy gian nan của bà Tú. Từ "eo sèo" là từ láy tượng thanh ý chỉ sự kì kèo, kêu ca phàn nàn một cách khó chịu, gợi tả cảnh tranh bán, cãi vã nơi “mặt nước”. Câu thơ gợi tả cảnh chen chúc, bươn trải trên sông nước của những người làm nghề buôn bán nhỏ. Chi tiết “buổi đò đông” hàm chứa không phải ít những lo âu, nguy hiểm "khi quãng vắng". Nghệ thuật đối đặc sắc đã làm nổi bật cảnh kiếm ăn nhiều cơ cực. Bát cơm, manh áo mà bà Tú kiếm được để “nuôi đủ năm con với một chồng” phải lặn lội trong nắng mưa, phải giành giật, phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt trong thời buổi khó khăn.  c. Hai câu luận  “Một duyên hai nợ, âu đành phận,  Năm nắng, mười mưa dám quản công.”  -Tú Xương vận dụng rất sáng tạo hai thành ngữ “một duyên hai nợ” và “năm nắng mười mưa”, đối xứng nhau hài hòa, màu sắc dân gian đậm đà trong cảm nhận và ngôn ngữ biểu đạt. Từ “duyên” là duyên số, duyên phận, là cái “nợ” đời mà bà Tú phải cam phận, chịu đựng. Còn “nắng”, “mưa” tượng trưng cho mọi vất vả, khổ cực. Các số từ trong câu thơ tăng dần lên: “một… hai… năm… mười… làm nổi rõ đức hi sinh thầm lặng của bà Tú, một người phụ nữ chịu thương, chịu khó vì sự ấm no, hạnh phúc của chồng con và gia đình. Từ “Âu đành phận”, “dám quản công” làm giọng thơ nhiều xót xa, thương cảm, thương mình, thương gia cảnh nhiều éo le. Ta thấy sáu câu thơ đầu bằng tấm lòng biết ơn và cảm phục, Tú Xương đã phác họa một vài nét rất chân thực và cảm động về hình ảnh bà Tú, người vợ hiền thảo của mình với bao đức tính đáng quý: đảm đang, tần tảo, chịu thương chịu khó, thầm lăng hi sinh cho hạnh phúc gia đình.  d. Hai câu kết  “Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,  Có chồng hờ hững cũng như không.”  -Tú Xương sử dụng từ ngữ thông tục, lấy tiếng chửi nơi “mom sông” lúc “buổi đò đông” đưa vào thơ rất tự nhiên, bình dị. Ý nghĩa của lời chửi là tác giả thầm trách bản thân mình một cách thẳng thắn, nhận ra sự vô dụng của bản thân mình. Nhưng đó lại là một lẽ thường tình trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. Tú Xương dám thừa nhận mình là “quan ăn lương vợ”, dám tự nhận khuyết điểm của mình. Từ đó cho thấy ông là một người có nhân cách đẹp.  -Hai câu kết là cả một nỗi niềm tâm sự và thế sự đầy buồn thương, là tiếng nói của một trí thức giàu nhân cách, nặng tình đời, thương vợ con, thương gia cảnh nghèo. Tú Xương thương vợ cũng chính là thương mình vậy: nỗi đau thất thế của nhà thơ khi cảnh đời thay đổi.  4.Nét đặc sắc về nghệ thuật.  "Thương vợ" là một trong những bài thơ mà Tú Xương vận dụng một cách rất sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian.  -Về hình ảnh: Trong ca dao, hình ảnh con cò có khá nhiều ý nghĩa: có khi nói về thân phận người phụ nữ lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó; có khi lại tượng trưng cho thân phận người lao động với nhiều bất trắc thua thiệt.  Con cò lặn lội bờ sông Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non  Hay:  Con cò mày đi ăn đêm Nhẵm phải cành mềm lộn cổ xuống ao  Như thế, con cò trong ca dao vốn đã gợi nhiều cay đắng, xót xa. Song dường như ứng vào nhân vậ cụ thể là bà Tú thì nó lại càng gợi sự xót xa, tội nghiệp nhiều hơn. Hơn thế nữa so với từ "con cò" trong ca dao thì từ "thân cò" của Tú Xương mang tính khái quát cao hơn, đó như thân phận của người phụ nữ trong cuộc sống gia đình, hi sinh tất cả vì chồng vì con. Do vậy, mà tình yêu thương của Tú Xương cũng thấm thía và sâu sắc hơn.   * Về từ ngữ:   -Thành ngữ "năm nắng mười mưa" được vận dụng một cách rất sáng tạo.  -Cụm từ "nắng mưa" chỉ sự vất vả. Các từ năm, mười là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra rồi kết hợp với "nắng, mưa" tạo nên một thành ngữ chéo. Hiệu quả của nó vừa nói lên sự vất vả, gian lao, vừa thể hiện đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng con của bà Tú.  -Bên cạnh đó chủ đề “Duyên nợ” trong ca dao cũng được tác giải sử dụng sáng tạo “một duyên hai nợ” muốn nhấn mạnh rằng duyên phận vợ chồng như số phận trời sắp đặt, tình nghĩa vợ chồng vì vậy cũng gắn bó hơn.  5. Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.  “Thương vợ’” là bài thơ trữ tình đặc sắc của Tú Xương nói về người vợ, người phụ nữ ngày xưa với bao đức tính tốt đẹp, hình ảnh bà Tú được nói đến trong bài thơ rất gần gũi với người mẹ, người chị trong mỗi gia đình Việt Nam. Tú Xương chiếm một địa vị vẻ vang trong nền văn học Việt Nam. Tên tuổi ông sống mãi với non Côi, sông Vị. | | |
| III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC | | | | |
| Mục tiêu: Giúp HS  - Biết viết bài văn phân tích một tác phẩm theo các bước.  - Lựa chọn bài thơ để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những đặc sắc nội dung, nghệ thuật bài thơ.  Nội dung:  - GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn bài thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật?  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV chiếu bài thơ lên bảng.  Ao thu lạnh lẽo nước trong veo  Một chiếc cần câu bé tẻo teo  Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,  Cá đâu đớp động dưới chân bèo.  Phát phiếu học tập.  Gọi HS đọc bài thơ  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài thơ trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý.  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | 1. Trước khi viết:  a) Lựa chọn bài thơ  b) Tìm ý  - Nhan đề bài thơ:Thu điếu có nghĩa là “Câu cá mùa thu” việc câu cá chẳng qua là cái cớ, cái hoàn cảnh, cái chỗ để nói về mùa thu, để thưởng thức mùa thu mà thôi.  - ND chính:Văn bản là một bức tranh đẹp về mùa thu ở làng quê VN, một không gian thu trong trẻo,thanh sạch và bình yên với những hình ảnh, đường nét xinh xẻo. Đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước cùng tâm trạng đau xót của tác giả trước thời thế.  - Nghệ thuật:  + Cách sử dụng yếu tố thi luật của thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình….Các từ gợi tả âm thanh, biểu cảm, các biện pháp tu từ( so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ….)  c) Lập dàn ý  - *Mở đoạn* giới thiệu khái quát, ngắn gọn về Nguyễn Khuyến và bài thơ, nêu ý kiến chung về bài thơ.  - *Thân đoạn*:  + Ý 1: Phân tích đặc điểm nội dung  Phân tích hình tượng bài thơ  Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ.  Khái quát về chủ để của bài thơ.  + Ý 2 Phân tích một số nét về nghệ thuật.  Cách sử dụng thể thơ.  Những nét đặc sắc trong tả cảnh tả tình.  Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ  - *Kết đoạn*: Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.  2. Viết bài  - Khi viết bài cần bám sát dàn ý đã lập .  3. Chỉnh sửa bài viết  - Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa. | | | |
| IV TRẢ BÀI | | | | |
| Mục tiêu: Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của đoạn văn.  - Chỉnh sửa đoạn văn cho mình và cho bạn.  Nội dung:  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | | |
| Tổ chức thực hiện | | | | Sản phẩm |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | | | | Đoạn văn đã được sửa của HS |

\*Hướng dẫn học bài:

- Về nhà các em hoàn thành nốt bài viết vào vở.

- Tiết sau các em sẽ học tiết : Đọc mở rộng các em về tìm đọc trước.